

Điều 2. — Hộ chiếu có ba loại:

- Hộ chiếu ngoại giao,
- Hộ chiếu công vụ,
- Hộ chiếu phổ thông.

Ngoài ra có những giấy tờ được coi có giá trị như hộ chiếu do Bộ Ngoại giao và Bộ Công an quy định.

Điều 3. — Hộ chiếu ngoại giao và hộ chiếu công vụ chỉ cấp riêng cho từng người.

Hộ chiếu phổ thông có thể cấp riêng cho từng người hoặc cấp cho tập thể nhiều người đi thành đoàn.

Điều 4. — Hộ chiếu chỉ cấp cho công dân nước Việt nam dân chủ cộng hòa từ 18 tuổi chẵn trở lên.

Những trẻ em dưới 12 tuổi chẵn cùng đi với cha mẹ hoặc người đỡ đầu sẽ được ghi chung vào hộ chiếu của cha hoặc mẹ, hoặc của người đỡ đầu.

Những người từ 12 đến 18 tuổi sẽ được cấp một loại giấy coi như hộ chiếu.

CHƯƠNG II

CƠ QUAN CẤP HỘ CHIẾU

Điều 5. — Bộ Ngoại giao cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ và hộ chiếu phổ thông cho những người đi việc công.

Bộ Công an cấp hộ chiếu phổ thông cho những người đi việc tư. Bộ Công an có thể ủy quyền này cho Sở hoặc Ty Công an trong những trường hợp xét cần thiết.

Đối với công dân Việt nam ở nước ngoài, các cơ quan đại diện ngoại giao của nước Việt nam dân chủ cộng hòa cấp:

- Hộ chiếu phổ thông,
- Hộ chiếu ngoại giao và hộ chiếu công vụ theo ủy nhiệm của Bộ Ngoại giao.

CHƯƠNG III

HIỆU LỰC CỦA HỘ CHIẾU

Điều 6. — Hộ chiếu riêng cho từng người có thể cấp cho một thời hạn nhiều nhất là 3 năm và có thể được gia hạn một hay nhiều lần. Kể cả những lần gia hạn, thời hạn của hộ chiếu không được quá 5 năm kể từ ngày cấp hộ chiếu.

Hộ chiếu tập thể có thể cấp trong một thời hạn nhiều nhất là 18 tháng.

Điều 7. — Hộ chiếu chỉ có giá trị để đi đến những nước có ghi trong hộ chiếu.

Điều 8. — Mỗi khi xét cần, cơ quan cấp hộ chiếu có thể tuyên bố hộ chiếu hết giá trị và ra lệnh thu hồi hộ chiếu. Lệnh thu hồi hộ chiếu phải được thi hành ngay.

Trong trường hợp khẩn cấp, cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự của nước Việt nam dân chủ cộng hòa ở nước ngoài có thể tạm giữ hộ chiếu lại và đề nghị cơ quan cấp hộ chiếu hủy bỏ hộ chiếu ấy.

CHƯƠNG IV

NHIỆM VỤ NGƯỜI ĐƯỢC CẤP HỘ CHIẾU

Điều 9. — Người được cấp hộ chiếu phổ thông phải nộp một số tiền làm thủ tục phí. Thủ tục phí và cách thức thu thủ tục phí do Bộ Ngoại giao, Bộ Công an và Bộ Tài chính ấn định.

Điều 10. — Người có hộ chiếu phải mang hộ chiếu theo mình, không được cho mượn hoặc nhờ người khác giữ hộ.

Điều 11. — Khi ra đến nước ngoài, người mang hộ chiếu phải báo cho cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự của nước Việt nam dân chủ cộng hòa ở nước đó biết.

Điều 12. — Khi ở nước ngoài về, trong thời hạn 7 ngày, người mang hộ chiếu phải nộp lại hộ chiếu cho cơ quan đã cấp hộ chiếu.

Điều 13. — Khi đánh mất hộ chiếu, người đương sự phải khai báo theo thể lệ do Bộ Ngoại giao và Bộ Công an quy định.

Điều 14. — Người nào dùng hoặc làm hộ chiếu giả mạo, tự ý sửa đổi những điều ghi trong hộ chiếu, cho mượn hộ chiếu, sử dụng hộ chiếu của người khác, sẽ bị truy tố trước pháp luật.

Điều 15. — Các ông Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Bộ Công an và Bộ Tài chính chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 27 tháng 10 năm 1959

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

NGHỊ ĐỊNH SỐ 390-TTg NGÀY 27-10-1959 QUY ĐỊNH VIỆC THỊ THỰC HỘ CHIẾU.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ nghị định số 389-TTg ngày 27 tháng 10 năm 1959 quy định việc cấp hộ chiếu;

Theo đề nghị của các ông Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và Bộ Công an,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Công dân Việt nam hay người ngoại quốc ra vào nước Việt nam dân chủ cộng hòa phải mang theo hộ chiếu có thị thực của cơ quan có thẩm quyền của nước Việt nam dân chủ cộng hòa

LawSoft * Tel: +84-3-384-6684 * www.LawVienPhapLuat.com

và phải xuất trình hộ chiếu có thị thực cho Đồn Công an ở địa điểm cuối cùng lúc ra hay địa điểm đầu tiên lúc vào.

Điều 2. — Thị thực vào hộ chiếu gồm có các loại :

- Thị thực xuất cảnh,
- Thị thực nhập cảnh,
- Thị thực xuất nhập cảnh,
- Thị thực nhập xuất cảnh,
- Thị thực quá cảnh.

Điều 3. — Bộ Ngoại giao cấp tất cả các loại thị thực vào các loại hộ chiếu.

Các cơ quan đại diện ngoại giao và cơ quan lãnh sự của nước Việt nam dân chủ cộng hòa ở nước ngoài có thể cấp các thị thực nhập cảnh, nhập xuất cảnh và quá cảnh vào các loại hộ chiếu.

Tùy từng trường hợp, các cơ quan nói trên quyết định thị thực có tính chất ngoại giao, công vụ hay phổ thông.

Bộ Công an và các cơ quan Công an được Bộ Công an ủy nhiệm có thể cấp thị thực xuất cảnh vào hộ chiếu phổ thông cho công dân Việt nam và kiều dân ngoại quốc.

Điều 4. — Trong phạm vi thẩm quyền của mình, Bộ Ngoại giao và Bộ Công an sẽ quy định thủ tục và những giấy tờ cần thiết để xin thị thực.

Người xin thị thực phải nộp một số tiền để làm thủ tục phí. Thủ tục phí và cách thức thu thủ tục phí để xin thị thực vào hộ chiếu do các Bộ Ngoại giao, Bộ Công an và Bộ Tài chính ấn định.

Điều 5. — Thời hạn có giá trị của thị thực vào hộ chiếu nhiều nhất là 3 tháng. Trường hợp đặc biệt, thị thực có thể cấp đến 6 tháng.

Thị thực nhập xuất cảnh hoặc xuất nhập cảnh có thể dùng nhiều lần để ra vào trong thời hạn được cấp.

Điều 6. — Thị thực quá cảnh một lần đi qua nước Việt nam dân chủ cộng hòa hay quá cảnh cả đi lẫn về có giá trị nhiều nhất trong 15 ngày. Trường hợp quá cảnh đi bằng máy bay, tạm trú tại trường bay trong thời hạn 24 giờ thì được miễn thị thực.

Điều 7. — Người nào dùng hoặc làm thị thực giả mạo, dùng thị thực của người khác, tự ý sửa đổi những điều ghi trong thị thực sẽ bị truy tố trước pháp luật.

Điều 8. — Các ông Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, và Bộ Tài chính chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 27 tháng 10 năm 1959

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

LIÊN BỘ

TÀI CHÍNH — GIAO THÔNG VÀ BƯU ĐIỆN — NGÂN HÀNG QUỐC GIA

THÔNG TƯ số 39-LT/TT ngày 14-10-1959 quy định cụ thể nguyên tắc cấp vốn cho các xưởng đóng tàu.

Thị hành quyết định số 054-TTg ngày 19-2-1959 của Thủ tướng Chính phủ ấn định các nguyên tắc về cấp vốn lưu động đối với các xí nghiệp quốc doanh công nghiệp, lâm nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải và bưu điện; về việc định mức tiêu chuẩn vốn lưu động cho các xí nghiệp quốc doanh và về việc Ngân hàng quốc gia cho vay trong định mức vốn lưu động;

Căn cứ vào công văn số 3189-LĐ/TL ngày 10-7-1959 của Bộ Giao thông và Bưu điện quy định các xưởng đóng tàu 1, 2, 3 và 4 thuộc loại xí nghiệp công nghiệp;

Xét vì sau khi áp dụng nguyên tắc về việc thanh toán các công trình kiến thiết giữa các đơn vị kiến thiết với các xưởng đã có nhiều hiện tượng ứ đọng vốn, và đã gây khó khăn cho việc quản lý vốn của các xưởng;

Để tiết kiệm vốn Nhà nước đồng thời giúp các xưởng có điều kiện thuận tiện củng cố chế độ hạch toán kinh tế;

Liên bộ Tài chính — Giao thông và Bưu điện — Ngân hàng quốc gia quy định cụ thể nguyên tắc cấp vốn cho các xưởng đóng tàu như sau :

1. Việc định mức vốn lưu động cho các xưởng đóng tàu phải dựa theo nguyên tắc định mức vốn cho các xí nghiệp công nghiệp sản xuất không thời vụ là phải căn cứ theo sản lượng sản xuất toàn năm để định mức vốn lưu động bình quân cả năm.

2. Sau khi vốn lưu động định mức được xét duyệt, Nhà nước sẽ trích 30% chuyển cho Ngân hàng quốc gia để làm vốn cho vay trong định mức; còn 70% thì sau khi trừ nợ định mức kế hoạch, nếu thiếu Nhà nước sẽ cấp thêm cho đủ 70%, nếu thừa xưởng phải nộp lại cho ngân sách;

3. Trường hợp nguyên vật liệu ở ngoài về một lúc vượt định mức có ghi trong kế hoạch thì Ngân hàng quốc gia sẽ cho xưởng vay số vốn cần thiết để dự trữ vật tư trên mức tiêu chuẩn theo như thể lệ và biện pháp Ngân hàng cho vay ngắn hạn đối với các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh ban hành ngày 23-8-1957.

4. Đối với sản phẩm đang chế tạo thì chỉ được tính định mức vốn cho một chu kỳ, tối đa là 3 tháng. Trường hợp có những sản phẩm mà chu kỳ